

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 9 - 2021

V/v: Ly hôn giữa chị H và anh Q

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Bà Phạm Thị Thanh Hải – kiểm sát viên.

Trong ngày 24/9/2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐST- HNGĐ ngày 12/8/2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1991 – *Đề nghị giải quyết vắng mặt*

Địa chỉ: Làng ST, xã VA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1982 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Tổ dân phố HD1, thị trấn D Đ, huyện TT, Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trọng Q tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL (cũ) nay là thị trấn D Đ, huyện TT, Thái Bình vào ngày 25/7/2013. Sau khi kết hôn do tính tình không hợp nên vợ chồng thường mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng không còn, từ năm 2019 chị và anh Q ly thân. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Q. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Về con chung: Chị và anh Q có hai con chung là Nguyễn Trọng Ph, sinh ngày 31/01/2013 và Nguyễn Thu Ph, sinh ngày 31/5/2015. Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng anh Q. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai chị đề nghị giao con cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tại đơn đề ngày 06/8/2021 gửi Tòa án chị có ý kiến nếu Tòa án

giao các con cho chị nuôi chị cũng nhất trí nuôi hai con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định chị và anh Q không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung. Chị xác định chị và anh Q không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Trọng Q vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không thu thập được ý kiến trình bày của anh Q.

Do không hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H ly hôn anh Q; giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con Nguyễn Trọng Ph, sinh ngày 31/01/2013 và Nguyễn Thu Ph, sinh ngày 31/5/2015; Về việc chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh Q tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chung sống đến năm 2019 do tính tình không hợp nên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng ly thân. Mặc dù anh Q đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ chị H đang yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng bỏ mặc không đến, không hòa giải được vụ án. Xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn D Đ xác định hiện nay anh Q và chị H mỗi người sống một nơi là đúng thực tế. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H ly hôn anh Q.

[2.2]. *Về việc nuôi dưỡng con chung:* Chị H và anh Q có hai con chung là Nguyễn Trọng Ph, sinh ngày 31/01/2013 và Nguyễn Thu Ph, sinh ngày 31/5/2015. Chị H và anh Q đều phải có quyền và nghĩa vụ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, nên giao cho chị H và anh Q mỗi người nuôi một con là phù hợp. Giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Trọng Ph, giao cho chị H trực tiếp nuôi con Nguyễn Thu Ph đến khi con chung đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung*: Do đương sự không có yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Nguyễn Trọng Q.

2. Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị H và anh Q có hai con chung là Nguyễn Trọng Ph, sinh ngày 31/01/2013 và Nguyễn Thu Ph, sinh ngày 31/5/2015. Giao con cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Trọng Ph, chị H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thu Ph đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0001971 ngày 26/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị H và anh Q đều vắng mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND thị trấn D Đ;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

